

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN - BỘ NỘI VỤ

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN -
BỘ NỘI VỤ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2015

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp
viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật**

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật.

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với các viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 2. Mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật

1. Chức danh bảo vệ thực vật

- a) Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II - Mã số: V.03.01.01
- b) Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III - Mã số: V.03.01.02
- c) Kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV - Mã số: V.03.01.03

2. Chức danh giám định thuốc bảo vệ thực vật

- a) Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II - Mã số: V.03.02.04
- b) Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III - Mã số: V.03.02.05
- c) Kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV - Mã số: V.03.02.06

3. Chức danh kiểm nghiệm cây trồng

- a) Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng II - Mã số: V.03.03.07
- b) Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III - Mã số: V.03.03.08
- c) Kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV - Mã số V.03.03.09

Chương II

**TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
CHUYÊN NGÀNH BẢO VỆ THỰC VẬT**

Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành bảo vệ thực vật

- 1. Tâm huyết với nghề, chủ động nghiên cứu, khiêm tốn học hỏi, áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ trong công tác.
- 2. Có tinh thần đoàn kết nội bộ, lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.
- 3. Chấp hành nghiêm túc các quy định, quy chế hoạt động nghề nghiệp.
- 4. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II - Mã số: V.03.01.01

1. Nhiệm vụ

- a) Chủ trì xây dựng kế hoạch, phương án kỹ thuật bảo vệ thực vật và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án tại địa bàn hoặc lĩnh vực được giao;

b) Chủ trì tổ chức điều tra, thu thập số liệu, thông tin, tổng hợp và phân tích các số liệu, thông tin đó, đánh giá tình hình, tổng kết rút kinh nghiệm về bảo vệ thực vật trong địa bàn hoặc lĩnh vực được giao; trên cơ sở đó đề xuất chủ trương, biện pháp bổ sung sửa đổi các quy trình, quy phạm kỹ thuật bảo vệ thực vật;

c) Tham gia bổ sung, sửa đổi các quy định pháp luật về bảo vệ thực vật; chủ trì việc tổ chức tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn, phát hiện, ngăn ngừa và xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất với cấp trên xử lý những hành vi vi phạm các quy định đó;

d) Tham gia kiểm tra và giải quyết những tranh chấp, khiếu nại về chuyên môn nghiệp vụ bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực được giao khi có yêu cầu;

đ) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học về bảo vệ thực vật cấp ngành, cấp nhà nước trong lĩnh vực được giao; triển khai, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ về chuyên ngành bảo vệ thực vật;

e) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng mục tiêu, chương trình, nội dung, biên soạn tài liệu và tổ chức thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ thực vật cho các hạng viên chức thấp hơn.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp trình độ đại học trở lên chuyên ngành bảo vệ thực vật hoặc các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và ngành có liên quan đến bảo vệ thực vật;

b) Nắm vững các văn bản pháp luật về bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật và các quy định pháp luật khác có liên quan; nắm được những điểm cơ bản của pháp luật bảo vệ thực vật quốc tế và các nước có liên quan;

c) Nắm được những đặc điểm có tính quy luật của quá trình diễn biến trong sản xuất trồng trọt tác động đến công tác bảo vệ thực vật và ngược lại. Nắm được tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước có liên quan đến công tác bảo vệ thực vật;

d) Có năng lực nghiên cứu khoa học, nắm vững những thành tựu khoa học công nghệ và kinh nghiệm tiên tiến về bảo vệ thực vật và liên quan đến bảo vệ thực vật trong và ngoài nước;

đ) Nắm được lý luận cơ bản về phòng trừ và điều khiển tổng hợp quy luật phát sinh phát triển của sinh vật gây hại và thiên địch, về phương pháp xác định ngưỡng kinh tế, hiệu quả kinh tế kỹ thuật trong hoạt động bảo vệ thực vật;

e) Có khả năng sử dụng công nghệ thông tin, khai thác và ứng dụng các thông tin về bảo vệ thực vật trong và ngoài nước;

g) Chủ trì hoặc tham gia công trình nghiên cứu khoa học hoặc đề án đã được Hội đồng khoa học cấp bộ hoặc cấp tỉnh công nhận và đưa vào áp dụng có hiệu quả.

4. Việc thăng hạng chức danh bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II

Viên chức thăng hạng từ chức danh bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III lên chức danh bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II phải có thời gian giữ chức danh bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III hoặc tương đương tối thiểu đủ 09 (chín) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III tối thiểu đủ 02 (hai) năm.

Điều 5. Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III - Mã số: V.03.01.02

1. Nhiệm vụ

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án kỹ thuật về công tác bảo vệ thực vật trong đơn vị và địa bàn được giao;

b) Tổ chức và thực hiện toàn bộ quy trình hoặc một phần quy trình phòng trừ tổng hợp sinh vật gây hại trong địa bàn;

c) Điều tra, thu thập, phân tích số liệu, thông tin để tổng hợp, đánh giá tình hình bảo vệ thực vật trong địa bàn và hoạt động nghiệp vụ kỹ thuật của đơn vị, trên cơ sở đó đề xuất: các biện pháp giải quyết những yêu cầu đột xuất phục vụ sản xuất; đề xuất việc bổ sung, sửa đổi các quy trình, quy phạm, quy định của pháp luật bảo vệ thực vật cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của địa bàn được giao;

d) Xây dựng hoặc tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, đề tài khảo sát thực nghiệm các biện pháp kỹ thuật phòng trừ sinh vật gây hại, các quy trình phòng trừ tổng hợp các sinh vật gây hại cho cây trồng;

đ) Tập huấn cho nông dân, bồi dưỡng cho công nhân và viên chức hạng thấp hơn về kỹ thuật bảo vệ thực vật, xây dựng mạng lưới cộng tác viên bảo vệ thực vật trong địa bàn;

e) Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông về bảo vệ thực vật và các chương trình dự án về bảo vệ thực vật, hướng dẫn ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ về bảo vệ thực vật vào sản xuất trên địa bàn.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành bảo vệ thực vật hoặc các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và ngành có liên quan đến bảo vệ thực vật;

b) Nắm được các quy định của pháp luật về bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật và thuốc bảo vệ thực vật;

c) Nắm được các quy trình, quy phạm phòng trừ sinh vật gây hại trong địa bàn được giao và những nguyên tắc của quy trình phòng trừ tổng hợp sinh vật gây hại, phương pháp khảo sát, thực nghiệm về bảo vệ thực vật;

d) Nắm được tình hình sản xuất, bảo vệ thực vật trong địa bàn được giao và tình hình chính trị, kinh tế - xã hội liên quan;

đ) Nắm được phương pháp khảo sát, thực nghiệm về bảo vệ thực vật; nắm được cách thu thập và những yêu cầu về số liệu, thông tin để xử lý bằng máy vi tính phục vụ cho việc chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại;

4. Việc thăng hạng chức danh bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III

Viên chức thăng hạng từ chức danh kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV lên chức danh bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III phải đáp ứng đủ các quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều này và có thời gian giữ chức danh kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV, cụ thể như sau:

a) Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ tốt nghiệp cao đẳng, phải có thời gian công tác giữ chức danh kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV tối thiểu đủ 02 (hai) năm;

b) Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ tốt nghiệp trung cấp, phải có thời gian công tác giữ chức danh kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV tối thiểu đủ 03 (ba) năm.